

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 29/2019/DS-ST

Ngày: 06/11/2019

V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C - TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hiền**

Hội thẩm nhân dân:

Bà **Phan Thị Hồng**

Bà **Võ Thị Diệu Thảo**

Thư ký phiên tòa:
thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Bà **Dương Thị Thủy** - Cán bộ Tòa án nhân dân

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố C tham gia phiên tòa:

Bà **Lê Thị Hồng Lan** – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 75/2019/TLST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2019 về "**Tranh chấp hợp đồng tín dụng**" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số /2019/QĐST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; Địa chỉ: 266-268 N, phường X, quận Y, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Vũ Hoàng A – chuyên viên tín dụng Phòng giao dịch C (là đại diện theo ủy quyền theo giấy ủy quyền số 17/2019/GUQ-PGDCR ngày 17/6/2019 của Trưởng phòng Giao dịch C và Giấy ủy quyền số 4067/2018/GUQ-PL ngày 10/12/2018 của Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP S). Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Lê Thăng Tr; Địa chỉ: TDP L, phường CL, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

1. **Chi cục Thống kê TP. C;** Địa chỉ: 02 P, phường CP, Thành phố C; Người đại diện hợp pháp: Ông Phan Hồng L – Chi cục trưởng. Vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bà **Thị Xà P;** Địa chỉ: TDP L, phường CL, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn do ông Vũ Hoàng A – đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 19/01/2018, ông Lê Thăng Tr có ký hợp đồng vay tại Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Khánh Hòa – Phòng giao dịch C, chi tiết như sau: Số HĐTD: LD1801900795; số tiền vay: 100.000.000 đồng; lãi suất 11%/năm; thời hạn vay: 60 tháng; biện pháp đảm bảo: không có, vay tín chấp CBCNV; phương thức trả nợ chia thành nhiều kỳ và theo phụ lục

về lịch trả nợ mỗi tháng 2.582.700 đồng (trong đó tiền gốc: 1.667.000 đồng, lãi: 916.700 đồng) kỳ cuối trả 2.620.700 đồng.

Trong quá trình vay vốn tại Ngân hàng, ông Tr đã vi phạm thời hạn trả nợ. Từ tháng 10/2018 đến nay, mặc dù Ngân hàng nhiều lần đốc thúc cũng như gửi đơn yêu cầu hỗ trợ cho đơn vị liên kết là Chi cục thống kê Thành phố C nhưng vẫn không nhận được sự hợp tác của ông Tr.

Tính đến ngày 10/10/2019, khoản nợ của ông Tr tổng cộng: 104.815.149 đồng, trong đó nợ gốc: 86.664.000 đồng, lãi trong hạn: 11.000.400 đồng, lãi chậm trả: 617.251 đồng và lãi trên dư nợ gốc quá hạn: 6.533.498 đồng. Số tiền lãi vẫn phải sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Nay Ngân hàng TMCP S khởi kiện, yêu cầu ông Tr phải trả số nợ tính đến ngày 10/10/2019 là: 104.815.149 đồng trong đó nợ gốc: 86.664.000 đồng, lãi trong hạn: 11.000.400 đồng, lãi chậm trả: 617.251 đồng và lãi trên dư nợ gốc quá hạn: 6.533.498 đồng. Số tiền lãi vẫn phải sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn xác nhận, tính đến ngày 06/11/2019, số nợ của ông Lê Thăng Tr tổng cộng: 107.036.868 đồng (bao gồm tiền gốc: 86.664.000 đồng, lãi trong hạn: 11.917.100 đồng, lãi chậm trả: 614.063 đồng; lãi trên dư nợ gốc quá hạn: 7.841.705 đồng).

Bị đơn ông Lê Thăng Tr trình bày: Tôi xác nhận có vay của Ngân hàng TMCP S theo hợp đồng tín dụng số LD1801900795 ngày 19/01/2018 tại Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Khánh Hòa – Phòng giao dịch C, chi tiết như sau:

Số tiền vay: 100.000.000 đồng

Thời hạn vay: 60 tháng

Biện pháp đảm bảo: không có, vay tín chấp CBCNV.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả nợ thì tôi có ý kiến như sau:

- Tôi xác nhận số nợ tính đến ngày 10/10/2019 là: 104.815.149 đồng và khoản nợ lãi vẫn còn phải sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Đây là khoản nợ của riêng tôi, không liên quan gì đến vợ tôi là Thị Xà P.

- Về thời gian trả nợ: Tôi xin được trả dần mỗi tháng ít nhất 700.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Chi cục thống kê Thành phố C do ông Phan Hồng L, Chi cục trưởng làm đại diện trình bày: Ngày 16/01/2018, Chi cục Thống kê Thành phố C có ký cam kết bảo lãnh cho ông Lê Thăng Tr vay vốn ngân hàng. Nhưng hiện nay do chế độ thanh toán tiền lương và các khoản đều qua kho bạc chuyên khoản về ngân hàng giao dịch V nên cơ quan không thực hiện được như cam kết cho dù rất muốn hợp tác với quý ngân hàng để giải quyết vụ việc trên. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Chi cục Thống kê không có ý kiến gì trong vụ án này và đề nghị Tòa án tiến hành thủ tục giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố C đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả lại số tiền gốc, lãi tính đến ngày 06/11/2019 là 107.036.868 đồng (bao gồm tiền gốc: 86.664.000 đồng, lãi trong hạn: 11.917.100 đồng, lãi chậm trả: 614.063 đồng; lãi trên dư nợ gốc quá hạn: 7.841.705 đồng) và các khoản tiền lãi phải sinh sau ngày 06/11/2019 theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Đối với cam kết của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc trích thu nhập của ông Tr để thanh toán nợ vay cho Ngân hàng nhưng không thực hiện đúng cam kết, tuy nhiên, nguyên đơn không yêu cầu xem xét trách nhiệm của người có quyền

lợi, nghĩa vụ liên quan nên không xem xét. Về án phí bị đơn chịu toàn bộ án phí hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Mặt khác, ông Lê Thăng Tr và Chi cục thống kê Thành phố C đều có yêu cầu xét xử vắng mặt. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận, Ngày 19/01/2018, ông Lê Thăng Tr có vay tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương tín – Chi nhánh Khánh Hòa – Phòng giao dịch C, chi tiết như sau: Số HDTD: LD1801900795; số tiền vay: 100.000.000 đồng; lãi suất 11%/năm; thời hạn vay: 60 tháng; biện pháp đảm bảo: không có, vay tín chấp CBCNV; phương thức trả nợ chia thành nhiều kỳ và theo phụ lục về lịch trả nợ mỗi tháng 2.582.700 đồng (trong đó tiền gốc: 1.667.000 đồng, lãi: 916.700 đồng) kỳ cuối trả 2.620.700 đồng. Xét hợp đồng tín dụng số LD1801900795 ngày 19/01/2018 và phụ lục được các bên tự nguyện ký kết, nội dung và hình thức không trái quy định pháp luật nên có hiệu lực.

[3] Theo thỏa thuận của các bên về lịch trả nợ, số tiền vay (gốc + lãi) sẽ được bị đơn trả cho nguyên đơn trong 60 tháng tương ứng với 60 kỳ, mỗi kỳ trả số tiền 2.582.700 đồng (trong đó tiền gốc 1.667.000 đồng, tiền lãi 916.700 đồng), kỳ cuối cùng trả số tiền 2.620.700 đồng vào ngày cuối cùng của tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, phía bị đơn chỉ thực hiện trả nợ được đến tháng 9/2018 thì vi phạm hợp đồng, không tiếp tục trả tiền. Do vậy, nguyên đơn có quyền khởi kiện để yêu cầu bị đơn phải trả các khoản tiền vay (gốc, lãi) theo hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết là phù hợp nên chấp nhận. Về các thỏa thuận lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi chậm trả do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số LD1801900795 là phù hợp với quy định tại Điều 13 thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam “*Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng*”. Cụ thể, số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn tính đến ngày 06/11/2019 là 107.036.868 đồng (bao gồm tiền gốc: 86.664.000 đồng, lãi trong hạn: 11.917.100 đồng, lãi chậm trả: 614.063 đồng; lãi trên dư nợ gốc quá hạn: 7.841.705 đồng). Ngoài ra bị đơn còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết tính từ ngày 07/11/2019 đến khi trả dứt nợ.

[4] Đối với cam kết của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục thống kê Thành phố C về việc trích thu nhập của ông Tr để thanh toán nợ vay cho Ngân hàng, nguyên đơn không yêu cầu xem xét trách nhiệm của Chi cục thống kê Thành phố C nên không xem xét.

[5] Về án phí Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí là 5.351.000 đồng. Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.380.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;
- Điều 13 thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam “*Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng*”.
- Điều 92, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết 326/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là ông Lê Thăng Tr phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền (gốc + lãi) tính đến ngày 06/11/2019 là 107.036.868 đồng (bao gồm tiền gốc: 86.664.000 đồng, lãi trong hạn: 11.917.100 đồng, lãi chậm trả: 614.063 đồng; lãi trên dư nợ gốc quá hạn: 7.841.705 đồng). Ngoài ra bị đơn còn phải trả các khoản tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết tính từ ngày 07/11/2019 đến khi trả dứt nợ.

2. **Án phí** Bị đơn ông Lê Thăng Tr phải chịu án phí là 5.351.000 đồng (bằng chữ: Năm triệu, ba trăm năm mươi một ngàn đồng), hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí là 2.380.000 đồng (bằng chữ: hai triệu, ba trăm tám mươi ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0000525 ngày 18/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố C.

3. Quy định:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. **Quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP. C;
- Đương sự;
- THADS TP. C;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hiếu